

Số: 204/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Căn cứ vào Điều 149; Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 187/2026/TLST-HNGĐ ngày 20/4/2026 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1) Chị **Trần Thị P**, sinh năm 1986; nơi cư trú: **khu phố H, xã Y, tỉnh Phú Thọ**.

2) Anh **Vũ Hoàng Đ**, sinh năm 1981; nơi cư trú: **tổ I, khu B, phường B, tỉnh Quảng Ninh**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị **Trần Thị P** và anh **Vũ Hoàng Đ** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Quảng Ninh) vào ngày 04/6/2010. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chị P và anh Đ chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên khác biệt về quan điểm sống, cách suy nghĩ và ứng xử trong đời sống gia đình; vợ chồng không còn sự đồng cảm, chia sẻ, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau, dẫn đến thường xuyên xảy ra tranh cãi, bất đồng kéo dài, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm và đời sống chung. Hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt được kết quả. Nhận thấy không còn tình cảm dành cho nhau, không ai còn quan tâm đến nhau, người nào chỉ biết bòn phận người ấy, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **Trần Thị P** và anh **Vũ Hoàng Đ** thống nhất thuận tình ly hôn với nhau.

[2] Về con chung: chị **Trần Thị P** và anh **Vũ Hoàng Đ** xác nhận có 02 con chung là **Vũ Hoàng A**, sinh ngày 11/9/2010 và **Vũ Hoàng L**, sinh ngày 21/3/2017. Chị P và anh Đ thống nhất: chị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Vũ Hoàng A** cho đến khi con chung **Vũ Hoàng A** thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Vũ Hoàng L** cho đến khi con chung **Vũ Hoàng L** thành niên (đủ 18 tuổi). Chị P và anh Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền

thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[3] Về tài sản chung: chị **Trần Thị P** và anh **Vũ Hoàng Đ** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: chị **Trần Thị P** và anh **Vũ Hoàng Đ** thỏa thuận thống nhất: chị **P** tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị **Trần Thị P** và anh **Vũ Hoàng Đ** thuận tình ly hôn.
- Về con chung: chị **Trần Thị P** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung **Vũ Hoàng A**, sinh ngày 11/9/2010 cho đến khi con chung **Vũ Hoàng A** thành niên (đủ 18 tuổi). Anh **Đ** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Vũ Hoàng L** cho đến khi con chung **Vũ Hoàng Lâm thành N** (đủ 18 tuổi). Chị **P** và anh **Đ** không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.
- Về tài sản chung: chị **Trần Thị P** và anh **Vũ Hoàng Đ** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: chị **Trần Thị P** và anh **Vũ Hoàng Đ** thỏa thuận thống nhất: chị **P** tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự mà chị **P** đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000015043460 ngày 16 tháng 4 năm 2026 của **Công ty cổ phần T** và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 125 ngày 21/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị **Trần Thị P** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Hùng